TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2018/DS-ST
Ngày 07-9-2018
V/v tranh chấp về chia di sản thừa kế theo pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Chau Cương;
Bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2016/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2016 "Tranh chấp về chia di sản thừa kế theo pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị Thanh V (tên gọi khác N), sinh năm 1989. Địa chỉ: tổ 17, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh A, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc C – Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A. Địa chỉ: Số 68, đường C, khóm 3, Phường C, thành phố C, tỉnh A.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1968. Địa chỉ: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh T. Đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Danh H – Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh T, vắng mặt.

Bà Bùi Lê Thanh M, sinh năm 1994. Địa chỉ: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

Ông Bùi Lê Thanh Kh, sinh năm 1999. Địa chỉ: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2016 của nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh V và lời khai trình bày tại phiên tòa*:

Bà là con của ông Bùi Thanh A và bà Nguyễn Thị Kim L. Sau khi ông A ly hôn với bà L, thì kết hôn với bà Lê Thị H. Giữa ông A và bà H có tạo lập được khối tài sản chung: Nhà gắn liền với diện tích đất 22,9 m^2 có chứng nhận quyền sử dụng đất số H1029eK ngày 29/12/2006 và nhà gắn liền với diện tích đất 111,3 m^2 có chứng nhận quyền sử dụng đất số H0417eK ngày 03/02/2006, cùng đứng tên Bùi Thanh A, Lê Thị H, tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh A. Di sản này ông A không để lại di chúc và chưa định đoạt tài sản. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu chia di sản của ông Bùi Thanh A chết để lại theo pháp luật, được nhận bằng tiền theo giá trị.

Chi phí tố tụng: Công đo đạc: 1.147.300 đồng; định giá: 700.000 đồng. Tổng cộng 1.847.300 đồng. Các khoản chi phí này nếu Tòa án xét xử chấp nhận yêu cầu thì yêu cầu bị đơn phải trả lại.

- *Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lê Thị H vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết bà H có ý kiến trình bày như sau:* Tài sản mà bà V yêu cầu chia thừa kế là do bà và ông A mượn tiền để mua. Bà H thống nhất đây là tài sản chung của bà và ông A. Do ông A bệnh chết vào ngày 20/8/2007, thì bà và các con Thanh M, Thanh Kh đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà đứng tên, diện tích 22,9 m^2 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05662, ngày 07/4/2016 và diện tích 111,3 m^2 thuộc chứng nhận số CS05660, ngày 07/4/2016.

Bà H cho rằng khi ông A bệnh bà phải đi vay mượn 200.000.000 đồng để điều trị bệnh và chi phí mai táng phí 50.000.000 đồng. Nên bà H không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, vì bà V chỉ là con nuôi của ông A và bà L.

- *Ý kiến của em M và em Kh*: xác định là con của ông Bùi Thanh A và bà Lê Thị H, việc bà V yêu cầu chia di sản thừa kế của ông A là chúng tôi không có yêu cầu và không đồng ý, vì bà Bùi Thị Thanh V chỉ là con nuôi của ông A. Nên không có quyền yêu cầu chia thừa kế, vì đây là tài sản của bà H và ông A tạo lập.

- *Ý kiến của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn việt nam, chi nhánh T* (sau đây gọi tắt là Ngân hàng): Theo hợp đồng tín dụng số 001/HĐTD ngày 09/01/2007 ông Bùi Thanh A ký kết với ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh T số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích vay: kinh doanh dịch vụ tiêm thuốc, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1,25%/tháng. Vào ngày 11/01/2008 hợp đồng này đã được

tất toán nợ với tổng số tiền 57.583.333 đồng, (gồm: vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 7.583.333 đồng). Đối với hợp đồng tín dụng số 001/HĐTD ngày 21/4/2016 do bà Lê Thị H ký kết với Ngân hàng, thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 21/4/2016 đến hạn ngày 21/4/2021), xét thấy bà H thực hiện trả nợ vay đúng theo hợp đồng ký kết và hợp đồng này chưa đến hạn, nên Ngân hàng không yêu cầu trong vụ án này.

- *Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Về tài sản chung gồm có: 02 căn nhà gắn liền quyền sử dụng đất diện tích đất 22,9 m^2 có chứng nhận quyền sử dụng đất số H1029eK ngày 29/12/2006 và diện tích 111,3 m^2 có chứng nhận quyền sử dụng đất số H0417eK ngày 03/02/2006. Đây là tài sản chung hợp nhất của ông A và bà H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Do ông A chưa định đoạt tài sản và không để lại di chúc, nên ½ tài sản này là di sản thừa kế của ông Bùi Thanh A. Theo giá trị được định giá của Hội đồng định giá khối tài sản này có giá trị là 466.590.400 đồng, thì ½ giá trị bằng 233.295.200 đồng.

Theo biên bản lời khai bà H cho rằng bà V là con nuôi của ông A, nhưng không cung cấp được chứng cứ pháp lý nào chứng minh và theo tài liệu nguyên đơn cung cấp giấy khai sinh của Bùi Thị Thanh V tại phần xác định họ tên cha Bùi Thanh A và họ tên mẹ Nguyễn Thị Kim L. Vì vậy, bà V là con hợp pháp của ông A.

Ngoài ra, các khoản nợ bà H trình bày, thì theo tài liệu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam, chi nhánh T cho biết: khoản vay này là do bà H ký kết hợp đồng và Ngân hàng không có yêu cầu trong vụ án này, đây là nợ riêng của bà H với Ngân hàng. Về chi phí điều trị bệnh và mai táng phí mà bà H trình bày là không có cơ sở. Bởi lẽ, theo các tài liệu Tòa án đã thu thập thì ông A chết đã được chi chế độ tử tuất theo Quyết định 36/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 03 tháng 10 năm 2007 bằng 4.500.000 đồng.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Về tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được*: Quyết định 36/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 03 tháng 10 năm 2007 của Bảo hiểm xã hội tỉnh A; Biên bản xác minh ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại cơ sở trại hòm ở thị trấn N, huyện T.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn để án quá thời hạn xét xử.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: 02 căn nhà gắn liền quyền sử dụng đất diện tích đất 22,9 m^2 có chứng nhận quyền sử dụng đất số H1029eK ngày 29/12/2006 và diện tích 111,3 m^2 có chứng nhận quyền sử dụng đất số H0417eK ngày 03/02/2006 là tài sản chung của ông A và bà H. Do đó, sau khi ông A chết ½ tài sản này chuyển thành di sản thừa kế của ông A.

Về khoản nợ vay tại Ngân hàng được ông A ký kết vay theo hợp đồng tín dụng số 001/HĐTD ngày 09/01/2007, được tất toán nợ vào ngày 11/01/2008 với tổng số tiền 57.583.333 đồng, (gồm: vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 7.583.333 đồng). Như vậy, có cơ sở xác định khoản nợ này là nợ chung của bà H và ông A, do đó ½ khoản nợ này được khấu trừ vào di sản của ông A để lại.

Về khoản chi phí điều trị bệnh và mai táng phí bà H trình bày là không có cơ sở, bởi vì theo Quyết định 36/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 03 tháng 10 năm 2007, thì ông A được hưởng mai táng phí bằng 4.500.000 đồng, số tiền này bà H đã nhận, do đó việc bà H cho rằng đã chi phí mai táng phí 50.000.000 đồng là không phù hợp.

Các khoản nợ bà H trình bày, theo tài liệu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam cho biết: khoản vay này là do bà H ký kết hợp đồng và Ngân hàng không có yêu cầu trong vụ án này, nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:**

- Bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bùi Lê Thanh M, Bùi Lê Thanh Kh và Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp về thừa kế di sản theo pháp luật" theo khoản 5 Điều 25 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và điểm i khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tịnh Biên.

- Về thời điểm mở thừa kế: Ông Bùi Thanh A chết ngày 20 tháng 8 năm 2007. Do vậy thời điểm mở thừa kế của ông A là ngày 20 tháng 8 năm 2007.

- Về thời hiệu khởi kiện: Theo đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngày 19 tháng 5 năm 2016 và thời điểm mở thừa kế của ông A, thì yêu cầu chia di sản thừa kế của ông A còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định điều 623 của Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hàng thừa kế: bà H và ông A chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 24/5/1993, nên được xem là hôn nhân hợp pháp, tại thời điểm ông A chết thì bà H vẫn là vợ hợp pháp của ông A. Trong thời kỳ hôn nhân ông A và bà H có 02 con chung: Bùi Lê Thanh M và Bùi Lê Thanh Kh. Mặt khác, đối với hôn nhân của ông A với bà L còn có con chung tên Bùi Thị Thanh V. Theo lời khai của bà H xác định bà V là con nuôi, tuy nhiên theo thông báo cung cấp chứng cứ số 01/2017/TB-BSTLCC ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án, thì bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà V là con nuôi của ông A và theo bản sao giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã V, huyện C cấp ngày 22/12/2015 của Bùi Thị Thanh V, phần họ tên cha được ghi là Bùi Thanh A. Nên bà V vẫn là con hợp pháp theo pháp luật của ông A.

Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của ông A được xác định gồm: Bà Lê Thị H và con Bùi Thị Thanh V; Bùi Lê Thanh M; Bùi Lê Thanh Kh, theo tờ cam kết không bỏ sót hàng thừa kế chứng thực ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C. Tại thời điểm xét xử em Bùi Lê Thang Kh đã đủ tuổi thành niên, nên không cần có người đại diện theo pháp luật.

- Về xác định tài sản chung của ông A và bà H gồm:

+ Tài sản thứ nhất: diện tích đất 22,9 m^2, gắn liền nhà cấp 4A diện tích 16,8 m^2, kết cấu: nền gạch men, khung bê tông cốt thép, vách gạch, mái tol, trần nhựa tại xã T, huyện T, tỉnh A được cấp giấy chứng nhận H1029eK ngày 29/12/2006 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, đứng tên Bùi Thanh A, Lê Thị H. Tổng giá trị tài sản: đất 57.250.000 đồng (theo giá thị trường) và kiến trúc nhà 19.474.560 đồng, tổng cộng 76.724.560 đồng. (1)

+ Tài sản thứ hai: diện tích đất 111,3 m^2 thuộc giấy chứng nhận số H0417eK ngày 03/02/2006 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, đứng tên Bùi Thanh A, Lê Thị H, gắn liền nhà cấp 4: phần nhà chính diện tích 39,9 m^2, kết cấu: nền gạch men, khung bê tông cốt thép, vách gạch, mái tol, trần nhựa, có mái đón; nhà B diện tích 23,7 m^2, kết cấu: nền gạch men, khung bê tông cốt thép, vách gạch, mái tol, không lao phông; nhà C diện tích 24,4 m^2, kết cấu:

khung bê tông cốt thép, nền gạch men, vách gạch, mái tol, không tấm trần nhựa; mái che diện tích 17,8 m^2, khung sắt, vách tol, nền xi măng, mái tol. Tổng giá trị tài sản: đất 278.250.000 đồng (theo giá thị trường) và kiến trúc nhà 111.615.840 đồng, tổng cộng 389.865.840 đồng. (2)

Tuy nhiên, các tài sản này đã chuyển quyền cho bà Lê Thị H đứng tên diện tích 22,9 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05662, ngày 07/4/2016 và diện tích 111,3 m^2, chứng nhận số CS05660, ngày 07/4/2016 theo kết quả Bản trích đo địa chính lập ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh T.

Như vậy, các tài sản này do ông A và bà H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Nên đây là tài sản chung của ông Bùi Thanh A và bà Lê Thị H. Do đó, sau khi ông A chết thì ½ khối tài sản chung được chuyển thành di sản thừa kế của ông A và ½ là khối tài sản của bà H.

- Về di sản thừa kế của ông A:

+ Di sản thứ nhất: Giá trị khối tài sản là 38.362.280 đồng (bằng 76.724.560 đồng chia 2). (1)

+ Di sản thứ hai: Giá trị khối tài sản là 194.932.920 đồng (bằng 389.865.840 đồng chia 2). (2)

Dựa trên kết quả định giá ngày 09/02/2018 giá đất chuyển nhượng thực tế theo thị trường 2.500.000/ m^2.

- Xác định nợ chung: Theo hợp đồng tín dụng số 001/HĐTD ngày 09/01/2007 ông Bùi Thanh A ký kết với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam, chi nhánh T số tiền vay 50.000.000 đồng. Theo biên bản xác minh ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam, chi nhánh T thì hợp đồng tín dụng số 001/HĐTD ngày 09/01/2007 do ông Bùi Thanh A ký kết đã được tất toán nợ vào ngày 11/01/2008 với tổng số tiền 57.583.333 đồng, (gồm: vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 7.583.333 đồng). Như vậy, có cơ sở xác định khoản nợ này là nợ chung của bà H và ông A trong thời kỳ hôn nhân. Tại thời điểm này hợp đồng đã được tất toán, do đó khi chia di sản thừa kế của ông A được khấu trừ ½ khoản nợ của ông A vào giá trị di sản (57.583.333 chia 2) là 28.791.666 đồng (3).

Về ý kiến trình bày của bị đơn cho rằng khi còn sống lo cho ông A bệnh hết 200.000.000 đồng và mai táng phí 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, các khoản chi phí điều trị bệnh bà H không cung cấp được chứng từ phù hợp và chi phí mai táng phí cũng lớn hơn so với thực tế vào năm 2007 do Tòa án xác minh ngày 11/7/2018. Do đó, theo tài liệu Tòa án thu thập được thì sau khi ông A chết được chế độ tử tuất theo Quyết định 36/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 03 tháng 10 năm 2007, gồm: trợ cấp mai táng phí 4.500.000 đồng. Do đó, đối với yêu cầu của bà H khấu trừ chi phí điều trị bệnh và chi phí mai

táng phí là không có cơ sở.

Tại phiên tòa hôm nay ý kiến của nguyên đơn và tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Theo kết quả định giá ngày 09/02/2018 giá đất chuyển nhượng thực tế, thì ½ giá trị di sản của ông A bằng 233.259.200 đồng (466.590.400 đồng chia 2). Đối với các khoản chi phí điều trị bệnh và mai táng phí mà bà H trình bày là không có sở. Bởi lẽ, theo các tài liệu Tòa án đã thu thập thì ông A chết đã được chi chế độ tử tuất theo Quyết định 36/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 03 tháng 10 năm 2007 bằng 4.500.000 đồng, cùng với việc Tòa án án xác minh tại cơ sở trại hòm thuộc thị trấn N các khoản chi phí mai táng phí tại thời điểm đó cũng tương đương 4.500.000 đồng. Do đó, bà H đã nhận chế độ tử tuất từ bảo hiểm xã hội là phù hợp. Mặt khác, các khoản nợ bà H trình bày, thì theo tài liệu Ngân hàng cho biết: khoản vay này là do bà H ký kết hợp đồng và Ngân hàng không có yêu cầu trong vụ án này, đây là nợ riêng của bà H với Ngân hàng. Từ những phân tích, thấy rằng hàng thừa kế của ông A được xác định gồm: bà H, bà V, bà M và ông Kh được hưởng thừa kế theo pháp luật 04 phần bằng nhau, tổng giá trị di sản 233.259.200 đồng.

Như vậy, tổng giá trị di sản của ông A bằng (1) + (2) là 233.295.200 đồng (4), được trừ khoản nợ (4) – (3) 28.791.666 đồng. Còn lại 204.503.534 đồng chia 4, bằng 51.125.883 đồng, mỗi người được hưởng theo phần bằng 51.125.883 đồng.

Theo trình bày của bị đơn bà Lê Thị H thì diện tích đất đã được chuyển quyền đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05662, ngày 07/4/2016 diện tích 22,9 m^2 và chứng nhận số CS05660, ngày 07/4/2016, diện tích 111,3 m^2. Nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh V yêu cầu chia thừa kế theo giá trị, không yêu cầu nhận hiện vật, em M và em Kh không có yêu cầu. Tại thời điểm xét xử diện tích đất của bà H, kể cả phần di sản thừa kế của ông A đã được chuyển quyền cho bà H đứng tên. Do đó, không cần thiết điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H đã nhận hiện vật vượt quá phần di sản được hưởng theo pháp luật, thì có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị theo phần của người được hưởng di sản. Nên bà H phải thanh toán giá trị phần di sản của bà V được hưởng là 51.125.883 đồng. Đối với phần di sản được thừa kế em M và em Kh không yêu cầu, do đó tạm giao cho bà H được quyền sở hữu đối với giá trị phần di sản của M và Kh được hưởng.

Đối với Ngân hàng Tòa án có thông báo đưa tham gia tố tụng, tuy nhiên Ngân hàng không yêu cầu, nên không xem xét trong vụ án này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng ý kiến tranh luận của Luật sư và ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Xét thấy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các khoản chi phí tố tụng: Công đo đạc: 1.147.300 đồng; định giá: 700.000 đồng. Tổng cộng 1.847.300 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được

chấp nhận nên bị đơn phải chịu các khoản chi phí tố tụng, nhưng nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: đương sự phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng đối với giá trị phần tài sản được hưởng. (51.125.883 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 609, Điều 613, Điều 649, khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 8 Điều 658, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thanh V về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Bùi Thanh A, chết ngày 20/8/2007.

* Phân chia theo hiện vật:

Bà Lê Thị H được quyền sở hữu ½ phần di sản của ông Bùi Thanh A, nhà gắn liền với đất diện tích 22,9 m^2, tờ bản đồ 03, số thửa 206 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05662, ngày 07 tháng 4 năm 2016 và nhà gắn liền với đất diện tích 111,3 m^2, số tờ bản đồ 03, số thửa 113 chứng nhận số CS05660, ngày 07 tháng 4 năm 2016, đứng tên Lê Thị H. Bà Lê Thị H không phải điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05662, ngày 07 tháng 4 năm 2016 và chứng nhận số CS05660, ngày 07 tháng 4 năm 2016.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính lập ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh T).

- Bà Lê Thị H phải thanh toán chênh lệch trị giá tài sản được hưởng thừa kế theo pháp luật cho bà Bùi Thị Thanh V bằng số tiền 51.125.883 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị H phải chịu 2.556.000 đồng tiền án phí.

Bà Bùi Thị Thanh V phải chịu 2.556.000 đồng *(hai triệu, năm trăm năm mươi sáu ngàn đồng)*, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm ngàn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số TU/2015/0006573 ngày 19/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà Bùi Thị Thanh V phải nộp thêm 56.000 đồng *(năm mươi sáu ngàn đồng)*.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị H phải hoàn trả cho bà Bùi Thị Thanh V số tiền 1.847.300 đồng *(một triệu, tám trăm bốn mươi bảy ngàn, ba trăm đồng)*.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.T;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

Võ Thị Ngọc Mỹ